

THÔNG TIN VỀ CSVC NĂM HỌC 2017-2018

A. Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ	Số lượng	Chia ra				Tạm
		Kiên cố		Bán k.cố		
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Nhà trẻ						
Số phòng theo chức năng	13	13				
Chia ra: - Phòng sinh hoạt chung	3	3				
- Phòng vệ sinh	6	6				
- Phòng ngủ	4	4				
- Phòng khác						
Mẫu giáo						
Số phòng theo chức năng	35	35				
Chia ra: - Phòng sinh hoạt chung	7	7				
- Phòng vệ sinh	14	14				
- Phòng ngủ	14	14				
- Phòng khác						

B. Khối phục vụ học tập	Số lượng	Chia ra				Tạm
		Kiên cố		Bán k.cố		
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Số phòng theo chức năng	2	2				
Chia ra: - Phòng giáo dục thể chất						
- Phòng đa chức năng (nghệ thuật)	1	1				
- Phòng khác	1	1				

C. Khối phòng tổ chức ăn	Số lượng	Chia ra				Tạm
		Kiên cố		Bán k.cố		
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Số phòng theo chức năng	2	2				
Chia ra: - Nhà bếp	1	1				
- Nhà kho	1	1				
- Phòng khác						

D. Khối phòng khác	Số lượng	Chia ra				Tạm
		Kiên cố		Bán k.cố		
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Số phòng theo chức năng	3	3				
Chia ra: - Phòng y tế	1	1				
- Khu vệ sinh dành	2	2				

cho giáo viên						
---------------	--	--	--	--	--	--

E. Khối phòng hành chính quản trị	Số lượng	Chia ra				
		Kiên cố		Bán k.cố		Tạm
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Số phòng theo chức năng	7	7				
Chia ra: - Phòng Hiệu trưởng	1	1				
- Phòng Phó hiệu trưởng	2	2				
- Văn phòng trường	1	1				
- Phòng họp	1	1				
- Phòng hành chính quản trị						
- Phòng bảo vệ	1	1				
- Nhà công vụ giáo viên						
- Phòng nhân viên	1	1				
- Phòng khác						

F. Khối công trình công cộng	Số lượng	Chia ra				
		Kiên cố		Bán k.cố		Tạm
		Tổng số	Làm mới	Tổng số	Làm mới	
Số phòng theo chức năng	1	1				
Chia ra: - Nhà xe giáo viên	1	1				
- Phòng khác						

Cơ sở vật chất khác	Số lượng
Số phòng học nhờ	
Số phòng học 3 ca	
Diện tích đất (m²)	
Tổng diện tích đất	6325
Trong đó: Diện tích đất được cấp	6325
Diện tích đất đi thuê	
Diện tích đất sân chơi	2420
Tổng diện tích một số loại phòng (m²)	
Tổng số	1023
Chia ra: Diện tích phòng học	600
Trong TS: Diện tích phòng ngủ	256
Diện tích bếp ăn	56
Diện tích phòng đa chức năng	120
Diện tích phòng giáo dục thể chất	

Thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Bộ GD&ĐT (ĐVT: bộ)	Bộ đầy đủ	Bộ chưa đầy đủ
Tổng số	7	3
Chia ra:- Nhà trẻ	1	2
- Mẫu giáo	6	1
Thiết bị phục vụ giảng dạy		
Tổng số máy vi tính đang được sử dụng	15	
Chia ra: - Máy vi tính phục vụ học tập	7	
- Máy vi tính phục vụ quản lý	8	
Trong đó: Máy vi tính đang sử dụng được nối Internet	15	
Số máy in	5	
Số thiết bị nghe nhìn		
Trong đó: - Tivi	9	
- Nhạc cụ	8	
- Cát xét		
- Đầu Video	9	
- Đầu đĩa	3	
- Máy chiếu OverHead		
- Máy chiếu Projector	1	
- Máy chiếu vật thể		
- Thiết bị khác		

Loại nhà vệ sinh	Số lượng (nhà)		
	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	
		Chung	Nam/Nữ
Đạt chuẩn vệ sinh (*)	2		10
Chưa đạt chuẩn vệ sinh			
Không có			

Nguồn nước	2	1-Nước máy; 2-Giếng khoan/đào; 3-Sông/suối; 4-Nước mưa; 5-Ao/hồ
Nước dùng hợp vệ sinh	1	1-Có; 0-Không
Nguồn điện lưới	1	1-Có; 0-Không
Bếp ăn 1 chiều	1	1-Có; 0-Không
Cổng trường	1	1-Có; 0-Không
Sân chơi	1	1-Có; 0-Không
Sân chơi có 5 loại TB trở lên	1	1-Có; 0-Không
Sân chơi có đồ chơi	1	1-Có; 0-Không
Hàng rào	1	1-Xây; 2-Kẽm lưới; 3-Cây xanh
Phần mềm tuyên sinh đầu cấp	1	1-Có; 0-Không